

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;  
thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Hoạt động xây dựng  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính  
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng  
5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm  
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ  
tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;  
thay thế trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà  
nước của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 60/TTr-SXD ngày  
03 tháng 11 năm 2023 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ  
sung, thay thế lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc ngành Xây dựng áp dụng trên  
địa bàn tỉnh Kon Tum.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ  
tục hành chính thay thế lĩnh vực Hoạt động xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh  
Kon Tum (Có danh mục các thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và:

1. Sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính số: 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47,  
50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61 khoản X, mục A; số: 4, 5, 6, 7, 8, 9

khoản II, mục B danh mục kèm theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ngành Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Thay thế các thủ tục hành chính số: 48, 49 khoản X, mục A danh mục kèm theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ngành Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện theo đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện việc công khai dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 143/UBND-TTHCC ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/cáo);
- Sở Xây dựng;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn Thông Kon Tum (để phối hợp);
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH



**CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Tuấn**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 554 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh**

**A.1. Thủ tục hành chính sửa đổi.**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
1	1.009972. H34	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
2	1.009973. H34	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x

3	1.009974. H34	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.</li> </ul>	x	x	x
4	1.009975. H34	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.</li> </ul>	x	x	x
5	1.009976. H34	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần	Trung tâm Phục	Theo quy định của Hội đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều</li> </ul>	x	x	x

		trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	vụ hành chính công	nhân dân tỉnh Kon Tum	của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.			
6	1.009977. H34	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	x		x
7	1.009978. H34	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	x		x

		giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)		công		ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.			
8	1.009979. H34	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	x		x
9	1.009982. H34	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
10	1.009983. H34	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Trung tâm	Theo quy định của	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;	x	x	x

		hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	lệ hoặc kể từ ngày có kết quả sát hạch đạt yêu cầu	Phục vụ hành chính công	Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.			
11	1.009984. H34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	x		x
12	1.009985. H34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	x		x
13	1.009986. H34	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng	- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ	x	x	x

				công		- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ			
14	1.009987. H34	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng	- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ	X	X	X
15	1.009928. 000.00.00 .H34	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng	- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ	X	X	X
16	1.009988. H34	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ	X	X	X
17	1.009989. 000.00.00 .H34	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng	- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	X		X



				chính công	Bộ Tài chính	ngày 03/03/2021 của Chính phủ - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ			
18	1.009990.000.00.00.H34	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do bị ghi sai thông tin)	10 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ năng lực kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ	X		X
19	1.009991.000.00.00.H34	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ	X	X	X
20	1.009936.000.00.00.H34	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ	X	X	X

**A.2. Thủ tục hành chính thay thế**

ST T	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
								Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
1	1.011976. H34	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
2	1.011977. H34	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;	x	x	x

<sup>1</sup> Thủ tục này trước đây thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, hiện nay phân cấp về địa phương thực hiện.

			nước ngoài thuộc dự án nhóm A, dự án trên địa bàn hai tỉnh trở lên <sup>2</sup>			chính	- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.			
--	--	--	---	--	--	-------	--	--	--	--

### B. Thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Cấp huyện

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
1	1.009994.000.00.00.H34	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
2	1.009995.000.00.00.H34	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với	Bộ phận Tiếp nhận	Theo quy định của	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số	x	x	x

<sup>2</sup> Thủ tục này trước đây thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, hiện nay phân cấp về địa phương thực hiện.

		theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	và Trả kết quả cấp huyện	Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.			
3	1.009996.000.00.00.H34	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	X	X	X

4	1.009997. 000.00.00 .H34	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.</li> </ul>	x		x
5	1.009998. 000.00.00 .H34	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.</li> </ul>	x		x
6	1.009999. 000.00.00 .H34	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp	Theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> </ul>	x		x

		trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		nhận và Trả kết quả cấp huyện	của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ- CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ- CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.			
--	--	---	--	--	---	--	--	--	--